TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 118/2023/QĐST-HNGĐ	***Ch- ơng Mỹ, ngày 04 tháng 4 năm 2023***

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai**
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Luận** và bà **Nguyễn Thị Hà**
- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Ong Cù Ngô Ngọc Thịnh - Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023QĐHPTST-HNHGĐ ngày 28/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên Đơn: Chị Nguyễn Thị T – sinh năm 1986

2. Bị đơn: Anh Phan Ngọc T1 – sinh năm 1980

Đều ĐKHKTT: thôn Đồi x, xã ĐPY, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Chị T, anh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phan Ngọc T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/8/2005 tại UBND xã ĐPY, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

2. Về con chung: Chị T và anh T1 có ba con chung là Phan Phương L, sinh ngày 21/10/2007, Phan Thị Huyền T2, sinh ngày 19/4/2011 và Phan Ngọc Bình M, sinh ngày 30/01/2014.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T, anh T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Tại phần thủ tục phiên tòa, các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Phan Ngọc T1 được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả ba con chung là các cháu: Phan Phương L, Phan Thị Huyền T2 và Phan Ngọc Bình M cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Chị T được quyền và nghĩa vụđi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị cấp dưỡng nuôi ba con chung là các cháu: Phan Phương L, Phan Thị Huyền T2 và Phan Ngọc Bình M mỗi con là 1.500.000 đồng/1 tháng, kể từ tháng 4/2023 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

- Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Chị T và anh T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về việc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa các đương sự tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 212; Điều 213; Điều 147; Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Nguyễn Thị T** và anh **Phan Ngọc T1**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung***:*** Chị Nguyễn Thị T và anh Phan Ngọc T1 có ba con chung là Phan Phương L, sinh ngày 21/10/2007, Phan Thị Huyền T2, sinh ngày 19/4/2011 và Phan Ngọc Bình M, sinh ngày 30/01/2014.

Anh Phan Ngọc T1 được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả ba con chung là các cháu: Phan Phương L, Phan Thị Huyền T2 và Phan Ngọc Bình M cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi ba con chung là các cháu: Phan Phương L, Phan Thị Huyền T2

và Phan Ngọc Bình M mỗi con là 1.500.000 đồng/1 tháng, kể từ tháng 4/2023 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T và anh T1 đều tự nguyện không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với việc ly hôn và tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng tạm ứng án phí, tổng cộng là 300.000 đồng; đối trừ với 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0076508 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ ngày 11/01/2023.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- UBND xã ML (Số GCN: 70/2017);
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tuyết Mai